

Nam Cao



Nhà văn Nam Cao
giải thưởng Hồ Chí Minh

Nam Cao (1917-1951) là một trong những nhà văn tiêu biểu nhất của văn học Việt Nam thế kỷ XX, có đóng góp quan trọng vào sự phát triển của văn xuôi nghệ thuật tiếng Việt, có một số tác phẩm đạt đến mức cổ điển của văn học hiện đại Việt Nam.

Ông cũng là một trong những người đặt nền móng và là một trong những tác giả đầu tiên của nền văn học mới với chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (từ năm 1945).

Nam Cao sinh ngày 29-10-1917, họ tên khai sinh là Trần Hữu Tri; sinh trong một gia đình công giáo (Catholicisme, nhánh chính của đạo thiên chúa giáo Meristianisme) nên được đặt tên thánh là Giuse; người làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Xang, phủ Lý Nhân (nay thuộc xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân) tỉnh Hà Nam. Cha là Trần Hữu Huệ (1895-?) thợ mộc, làm thuốc, mẹ là Trần Thị Minh (1897-?) làm vườn, làm ruộng, dệt vải.

Thủa nhỏ, cậu bé Trần Hữu Tri học một trường tư trong làng; 10 tuổi ra thành phố Nam Định học tiểu học, và trung học. Vì thể chất yếu, chưa kịp thi Thành chung đã phải về nhà chữa bệnh và 18 tuổi cưới vợ. Vài tháng sau lên tàu hỏa đi Nam Kỳ, vào Sài Gòn, làm thư ký cho một hiệu may, vừa tự học thêm và viết văn. Về sau nhớ lại đoạn đời này, Nam Cao viết “Tặng người y không cho y cầm súng cầm gươm, y sẽ cầm bút mà chiến đấu” (Sống mòn). Có thể coi đây là lời bộc bạch về chí hướng của nhà văn trẻ. Một vài tác phẩm đầu tiên được đăng báo trong năm 1936. Hơn hai năm sau, Nam Cao trở ra Bắc, tự học lại để thi lấy bằng Thành chung, từ đó sống bằng nghề dạy học và viết văn.

Đất Bắc Kỳ thừa ấy chỉ có một trung tâm văn hóa là Hà Nội. Những thanh niên từ các vùng quê, các tỉnh lẻ thường tìm về Hà thành thử tài, thử trí, thử vận may. Với Trần Hữu Tri cũng vậy. Anh tìm được một chỗ dạy học ở trường tư thực Công Thanh gần chợ Bưởi lúc ấy là ngoại thành, và giao dịch với các báo, các nhà xuất bản, với giới viết báo viết văn Hà thành.

Sáng tác của anh thơ có, văn xuôi có bắt đầu xuất hiện đều trên các Tiểu thuyết thứ bảy, Ích hữu, Hà Nội báo với những bút danh như là những cái tên ướm thử ngập ngừng Xuân Du, Nguyệt, v.v. Năm 1941, cuốn sách đầu tay ký bút danh Nam Cao nhan đề Đôi lứa xứng đôi ra mắt bạn đọc. Các nhà văn lớp tuổi đàn anh như Vũ Bằng, Lê Văn Chương dường như đã nhìn thấy ở cây bút mới này một văn tài thật sự. Nhưng dư luận văn học lúc ấy dường như bị át đi bởi những thông tin chấn động của cuộc thế chiến thứ 2 diễn ra khốc liệt bên châu Âu và đang lan rộng sang Viễn Đông.



Truyện ngắn Chi Phèo
được dựng thành phim

Dẫu ít được dư luận cổ vũ, sau tập sách mỏng đầu tay trong đó có truyện Chi Phèo bắt hủ, ngòi bút nhà văn Nam Cao tự tin, linh hoạt hẳn lên. Nghề dạy học thì xuống dốc : trường Công Thanh bị quân Nhật trưng dụng, Nam Cao thôi dạy học ở đây, có lúc sang dạy học ở tận trường tư thực Kỳ Giang bên tỉnh Thái Bình, có lúc về quê, nằm nhà. Công việc liên tục bị rút lại, chỉ còn ngòi bút và trang giấy. Các năm từ năm 1941 đến 1944, Nam Cao viết được nhiều nhất. Một thống kê cho thấy, chỉ trên tuần san Tiểu thuyết thứ bảy, trong năm 1942, Nam Cao đã đăng được mười truyện, trong năm 1943 được 24 truyện, phần lớn là những truyện ngắn hay như: *Cái mặt không chơi được*, *Những chuyện không muốn viết*, *Trẻ con không được ăn thịt chó*, *Mua nhà*, *Bài học quét nhà*,...

Ngoài ra còn loạt truyện viết cho độc giả nhỏ tuổi in trong loại sách Hoa Mai, truyện dài “*Truyện người hàng xóm*” đăng

trong Trung bắc chủ nhật, bốn cuốn tiểu thuyết bán bản thảo nhưng chưa được in nên mất (*Cái bát, Một đời người, Cái miếu, Ngày lụt*); lại còn tiểu thuyết *Sống mòn* viết xong từ khoảng tháng 10, 1944, không nhà xuất bản nào nhận in, đành để đấy.

Thời gian 1941-1944 là thời sáng tác sung mãn và có hiệu quả nhất trong đời viết văn của Nam Cao.

Cố nhiên ngòi bút viết văn của Nam Cao không đạt kỷ lục nào về số lượng, về độ dài hay độ dày. Cái mà ông đạt tới đỉnh cao là chất lượng mới: chất lượng ngôn ngữ nghệ thuật, chất lượng tư duy xã hội và tư duy văn học.

Nam Cao thuộc vào số những nhà văn đã đọc được và nhận ra được cái thâm trầm ở Chekhov, ở Dostoievski. Ngòi bút kể chuyện đời đã không còn dừng lại ở sự mô tả những biểu hiện trái tai gai mắt bề ngoài; sự bất hòa. Sự kết án xã hội đương thời, ở Nam Cao đã đi vào nguyên tắc, nên có thể bộc lộ ra một cách ôn tồn và nhỏ nhẹ, đầy tính quyết liệt ẩn sâu vào trong. Ở các trang viết của mình. Nam Cao đã nhìn thấy và chỉ cho người đọc thấy cái xã hội động trong nô lệ và lạc hậu xứ mình, cái xã hội đẳng cấp, bất công và phi nhân ấy đã làm tha hoá, biến dạng biến chất con người ta như thế nào.

Viết sau và đi tiếp dòng văn tả thực xã hội của những Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng, chủ nghĩa hiện thực ở Nam Cao đã tinh táo đến mức không còn ảo tưởng, không còn sự ve vuốt nào hết. Phần lớn các nhân vật nông dân ở tác phẩm của ông đều đã hoặc đang bị bần cùng hóa, lưu manh hóa, suy đồi về nhân tính, nhân cách. Phần lớn đám nhân vật tiêu trí thức ở sáng tác của ông đều đang bị dằn xé giữa sự mưu cầu miếng cơm manh áo và sự bảo vệ phẩm giá con người mình, đều đang day dứt vì thấy đời mình “sẽ mọc lên, sẽ rỉ đi, sẽ mòn ra” và mình “sẽ chết mà chưa làm gì cả, chết mà chưa sống”. Tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa trong văn chương Nam Cao không thuộc kiểu một tình thương mênh mênh vô về, an ủi, mà là một đòi hỏi nghiêm khắc: ở mức thấp, đó là đòi hỏi con người hiểu biết chính mình và hoàn cảnh sống quanh mình, nhận cho ra tình trạng bị tha hóa, biến dạng biến chất, coi sự tự ý thức này là cơ sở cho việc hành động cải tạo hoàn cảnh sống ở mức cao hơn, đó là đòi hỏi việc tạo điều kiện để phát triển “tận độ”, hết mức những năng lực vốn có ở mỗi con người, coi phát triển năng lực con người là tiền đề của sự hoàn thiện nhân cách.

Sáng tác của Nam Cao gắn bó với tiến trình văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX vốn thường được hình dung như là quá trình cách tân, hiện đại hóa văn học. Là người tham dự tiến trình ấy, có thể là ở chặng gần cuối, Nam Cao được tiếp nhận và thừa hưởng không ít thành quả của những chặng đầu, ví dụ những thành tựu của các tác giả văn xuôi Tự lực văn đoàn, hoặc thành tựu của các nhà “tả chân” lớp trước; đồng thời Nam Cao bằng chính hoạt động sáng tạo của mình, đã thật sự góp phần phát triển và hoàn tất tiến trình ấy, góp phần khép lại giai đoạn quan trọng nhất của việc xây dựng một nền văn xuôi tự sự mới của người Việt trong những điều kiện và tiền đề văn hóa xã hội mới.

Ngòi bút Nam Cao đã đem lại cho văn xuôi tự sự tiếng Việt một chất lượng mới trong khả năng thể hiện tâm lý, phân tích tâm lý. Truyện ngắn Nam Cao là một thành tựu nổi bật, bên cạnh đó, với *Sống mòn*, Nam Cao đóng góp cho thể tài truyện dài một kiểu kết cấu riêng. Đối với việc xây dựng và phát triển văn xuôi tiếng Việt hiện đại, Nam Cao có đóng góp rõ rệt về ngôn ngữ văn xuôi nghệ thuật. Ở văn xuôi Nam Cao, thành phần ngôn ngữ nhân vật không có những phương ngữ hay, biệt ngữ thật đột xuất (nếu so sánh với thành phần ngôn ngữ nhân vật trong phóng sự của một số nhà “tả chân” đương thời), nhưng cũng không bị thôn tính bởi ngôn ngữ tác giả như ở các nhà văn xuôi Tự lực văn đoàn. Mặt khác, do quan tâm truyền đạt những dao động, biến thiên của tâm lý, tâm trạng nên Nam Cao tạo được một ngôn ngữ ít nhiều mang tính phức điệu. Tổ chức được những mạng lưới phức tạp gồm cả ngôn ngữ bên ngoài và ngôn ngữ bên trong, cả ngôn ngữ tác giả, ngôn ngữ nhân vật, thậm chí cả những sự đan xen và nhòe lẫn vào nhau của hai thành phần ngôn ngữ ấy, Nam Cao là một trong số không nhiều tác giả cùng thời có những tác phẩm mà ngôn ngữ dường như không cũ đi so với thời gian. Nói cách khác, Nam Cao có những tác phẩm

đạt đến độ cổ điển của văn xuôi tiếng Việt.

Từ 1943, Nam Cao tham gia phong trào Việt Minh và là một trong số những thành viên đầu tiên của tổ chức Văn hoá cứu quốc. Tháng 8-1945, ông tham gia cướp chính quyền ở phủ Lý Nhân, được cử làm Chủ tịch xã đầu tiên của chính quyền mới ở địa phương. Vài tháng sau ông thôi việc chính quyền, ra Hà Nội với giới văn nghệ, làm việc trong tòa soạn tạp chí Tiền Phong, cơ quan của Hội Văn hóa cứu quốc. Đầu năm 1946 ông có chuyến đi ngắn vào cực nam Trung bộ với tư cách phái viên Văn hóa cứu quốc đi mặt trận.

Kháng chiến bùng nổ ở Hà Nội, ông về quê rồi tham gia làm báo Giữ nước và báo Cờ chiến thắng của tỉnh Hà Nam. Mùa thu năm 1947, theo lời mời của Xuân Thủy, chủ nhiệm báo Cứu quốc, Nam Cao lên Việt Bắc, làm phóng viên báo này, cùng phụ trách tạp chí Cứu quốc, thư ký tòa soạn báo Cứu quốc Việt Bắc. Năm 1948, Nam Cao gia nhập Đảng cộng sản Đông Dương; cuối năm ấy ông đi công tác vùng đồng bằng. Năm 1950 ông chuyển sang làm việc ở Hội Văn nghệ Việt Nam, làm việc trong tòa soạn tạp chí Văn nghệ. Tháng sáu, ông thuyết trình về vấn đề ruộng đất trong hội nghị học tập của văn nghệ sỹ, sau đó ông được cử làm Ủy viên tiểu ban văn nghệ của Trung ương Đảng.

Cũng trong năm 1950 Nam Cao đi chiến dịch biên giới. Giữa năm 1951, Nam Cao và Nguyễn Huy Tưởng đi công tác liên khu III, dự Hội nghị Văn nghệ liên khu III (23-9-1951), sau đó cả hai ông cùng đi liên khu IV. Khoảng tháng 10 Nam Cao trở ra Liên khu III, tham gia đoàn công tác thuế nông nghiệp. Trên đường cùng đoàn công tác này thâm nhập vùng địch hậu, Nam Cao bị địch phục kích bắt được và xử bắn.

Đoạn đời từ cách mạng tháng 8-1945, ngòi bút Nam Cao hoạt động với tư cách ngòi bút của một cán bộ làm báo, làm văn. Ông viết tin, làm ca dao, soạn kịch ngắn tuyên truyền, viết hoặc dịch sách phổ thông về địa lý, lịch sử, thời sự. Ông coi đó là “những công việc nhũn nhặn, thâm lặng nhưng có ích”, mặc dù cũng có lúc ông “lo lắng lối viết như vậy có thể làm hỏng lối văn tiểu thuyết đã có ít nhiều người thích” trước đây của ông.

Phần sáng tác văn học của Nam Cao sau 1945 tuy khá ít, nhưng cũng có tác phẩm đạt độ chín về nghệ thuật. Có thể kể chùm chuyện ngắn: *Mở sâm banh*, *Cách mạng*, *Đôi mắt* và một loạt bút ký, ghi chép, nhật ký như: *Đường vô Nam*, *Chuyện biên giới*, *Ở rừng*. Qua những tác phẩm này, nhất là qua nhật ký Ở rừng, người ta nhận thấy trong thế giới tinh thần nhà văn đang diễn ra một cuộc đấu tranh tư tưởng gay gắt để vượt qua cái mà Nam Cao gọi là “thăng nghệ sĩ cũ trong người tôi”. Ông cảm thấy có tội vì đã vướng vào duyên nợ với kiểu nghệ sỹ tiểu tư sản trước kia. Ông muốn có đôi mắt mới để nhìn đời nhìn người. Không bằng lòng với những trang viết đã có mà ông cảm thấy nó nhợt nhạt so với thực tế sống và chiến đấu của công nông, ông chủ trương “sống đã rồi hãy viết”. Chuyến đi cuối cùng mà ông tham dự và hy sinh trên đường công tác, nằm trong chủ định của ông: đi lấy tài liệu cho sáng tác, ông muốn chất sống thực sự được bộc lộ mạnh mẽ hơn nữa trên trang viết. Sự hy sinh của ông không chỉ là sự hy sinh của một cán bộ kháng chiến mà còn là sự tử nạn vì nghề nghiệp của một người cầm bút.

Từ sau khi nhà văn hy sinh, ý nghĩa các sáng tác của ông, vị trí của Nam Cao trong văn học Việt Nam thế kỷ XX ngày càng rõ dần, lớn lên trước các sáng tác, nghiên cứu phê bình văn học.

Năm 1956, tiểu thuyết *Sống mòn* được xuất bản lần đầu, 5 năm sau khi tác giả qua đời, gây sức thuyết phục lớn về văn tài tác giả. Ngay sau đó, các truyện ngắn của ông được sưu tầm tập hợp và xuất bản trong các tập *Truyện ngắn Nam Cao*, *Một đám cưới*. Diện mạo di sản của ngòi bút Nam Cao, đặc sắc và tầm cỡ văn nghiệp của ông ngày một rõ rệt trước mắt hậu thế.

Năm 1961 xuất hiện cuốn sách chuyên luận đầu tiên về thân thế và sự nghiệp văn học của Nam Cao; từ đó đến nay có thêm rất nhiều công trình nghiên cứu nhiều hội thảo khoa học về tác giả này.

Năm 1975 bắt đầu xuất hiện tuyển tập tác phẩm của Nam Cao. Từ đó đến nay có thêm khá nhiều bộ sách tuyển tác phẩm của ông.

Một số tác phẩm văn học của Nam Cao đã được dịch và in ở nước ngoài.

Năm 1996 cụm tác phẩm chính, sáng tác trước và sau 1995 của Nam Cao, được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật, giải thưởng chính thức cao nhất của chính thể mới từ sau cách mạng tháng 8-1945 dành cho giới sáng tác văn học.

Càng ngày người ta càng thấy rõ một phần đáng kể trong di sản sáng tác của Nam Cao có khả năng trường tồn, nhập vào nguồn vốn cổ điển của văn học Việt Nam, có khả năng tươi lại, mới lại trong sự cảm thụ của các thế hệ độc giả ngày mai

Tác phẩm:

- *Đôi lứa xứng đôi* (Lê văn Trương đề tựa), Hà Nội, Nhà xuất bản Đời mới, 1941
- *Nửa đêm*, Hà Nội, Nhà xuất bản Công lực, 1943
- *Chuyện người hàng xóm*, Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, từ tháng 4 đến tháng 9 - 1944
- *Cười* (Tập truyện), Hà Nội, Nhà xuất bản Minh Đức, 1946
- *Truyện Biên Giới* (Tập ký), Việt Bắc, Nhà xuất bản Văn Nghệ, 1951
- *Sống mòn* (Tiểu thuyết), Hà Nội, Nhà xuất bản Văn Nghệ, 1956
- *Chí Phèo* (Tập truyện), Hà Nội, Nhà xuất bản Văn Nghệ, 1957
- *Truyện ngắn Nam Cao* (Tập truyện), Hà Nội, Nhà xuất bản Văn Nghệ, 1960
- *Một đám cưới* (Tập truyện), Hà Nội, Nhà xuất bản Văn Nghệ, 1963